KET PRACTICE 7

Viết từ vựng

LIVEWORKSHEETS

1. Truyền thống=_____
2. Văn hoá=_____
3. Tràn đầy năng lượng=_____
4. Sáng tạo=_____
5. Bình yên=_____
6. Bắt tai=_____
7. Ấn tượng=_____
8. Tuyệt vời=_____
9. Mạnh mẽ=_____
10. Nhẹ nhàng=_____
11. Đáng nhớ=_____
12. Phổ biến=_____
13. Hiện đại=_____
14. Giàu ý nghĩa=_____

LIVEWORKSHEETS

15.Vô nghĩa=_____
16.Gây khó chịu= khó nghe=_____
17.Kinh khủng=_____
18.Gây thất vọng=_____
19.Khó hiểu, rối ren=_____
20.Ca sĩ=_____
21.Vũ công=_____
22.Nhạc sĩ=_____
23.Nhóm nhạc nữ=_____
24.Nhóm nhạc nam=_____
25.Thành công=_____
26.Nổi tiếng=_____
27.Huyền thoại=_____
28.Tài năng=_____
29.Lễ hội âm nhạc=_____
30.Buổi biểu diễn=_____
31.Người điều chỉnh âm nhạc=_____
32.Buổi hoà nhạc trực tiếp=_____
33. Giai điệu=_____
→ giai điệu bắt tai=_____
34.Nhịp điệu, tiết tấu=_____

LIVEWORKSHEETS

35.Lời bài hát=_____

36.Truyền cảm hứng=_____

37.Truyền động lực=_____

38.Nhạc cụ=_____

39.Tràn pháo tay=_____

----------THE END----------

LIVEWORKSHEETS